

Một số thủ thuật nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất

ThS. CHU THỊ BÍCH LIÊN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: bichlienkt@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 2 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 4 năm 2024.

Tóm tắt: Học từ vựng là một yếu tố quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ. Kiến thức từ vựng thường được xem là một công cụ rất cần thiết đối với người học ngôn ngữ thứ hai vì vốn từ vựng hạn chế sẽ cản trở giao tiếp thành công. Thiếu từ vựng người học sẽ khó có thể sử dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học để giao tiếp một cách hiệu quả. Vốn từ vựng phong phú sẽ hỗ trợ người học rất nhiều trong việc phát triển và hoàn thiện các kỹ năng khác hiệu quả hơn. Do tầm quan trọng của từ vựng, tác giả muốn đề cập một số thủ thuật nâng cao vốn từ vựng cho sinh viên năm thứ nhất tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền với mong muốn giúp sinh viên ngày càng chủ động, tiến bộ hơn trong việc học tiếng Anh.

Từ khóa: từ vựng, giao tiếp, thủ thuật, tiếng Anh, sinh viên năm thứ nhất.

Abstract: Vocabulary, a crucial factor in language acquisition, is often considered an essential tool for second language learners because limited vocabulary can hinder successful communication. Without sufficient vocabulary, learners may struggle to use the grammar structures they have learned to communicate effectively. Rich vocabulary will greatly support learners in developing and enhancing other skills more effectively. Due to its significance, techniques to enhance vocabulary for first-year students at the Academy of Journalism and Communication will be discussed in this article with the hope of helping students become more proactive and progressive in learning English.

Keywords: vocabulary, communication, techniques, English, first-year students.

Có thể thấy rằng trong nền kinh tế hội nhập ngày nay thì việc học tiếng Anh thực sự rất cần thiết và hữu ích. Tuy nhiên, để học tốt ngôn ngữ này thì vốn từ vựng được coi là một trong các nền tảng đầu tiên và rất quan trọng trong việc học ngôn ngữ. Nếu có sự hiểu biết tốt về từ vựng, người nói có thể diễn đạt ý tưởng của riêng mình cho người khác, kể cả khi ngữ pháp của bản thân không được tốt. Theo David A. Wilkins⁽¹⁾ "Without grammar, very little can be conveyed; without vocabulary, nothing can be conveyed" (thiếu kiến thức ngữ pháp, rất ít thông tin có thể được truyền đạt; nhưng thiếu từ vựng thì chẳng một thông tin nào có thể được truyền đạt cả). Do vậy từ vựng là yếu tố quan trọng giúp người nói có thể truyền đạt thông tin đến người nghe một cách đầy đủ nhất. Nói cách khác, từ vựng là nền tảng vững chắc trong việc chuyển tải thông tin (ngôn ngữ).

1. Khái niệm từ vựng

Từ vựng được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Quan điểm của Peirce, 2000⁽²⁾ cho rằng từ vựng là một trong những thành phần của ngôn ngữ, trong khi Richards và Renandya (2002)⁽³⁾ lại định nghĩa từ vựng là thành phần cốt lõi của trình độ ngôn ngữ và cung cấp cơ sở cho người học trong việc nói, nghe, đọc viết. Brown, 2000⁽⁴⁾ xem từ vựng là tất cả những từ được mọi người tiếp nhận một cách tình cờ hoặc cố ý thông qua tiếp xúc gián tiếp với các từ hướng dẫn một cách rõ ràng về chiến lược học từ và từ cụ thể. Oxford Advanced Learner's Dictionary Sixth Edition (2000, p. 1707)⁽⁵⁾ định nghĩa từ vựng là tất cả những từ mà một người biết và sử dụng. Như vậy, các định nghĩa trên đều thể hiện rằng từ vựng có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ của người học. Tuy nhiên, có kiến thức từ

vựng không chỉ đơn giản là có thể trích dẫn một từ mà nó còn đòi hỏi ý nghĩa mà người học biết cách vận dụng vào các hoàn cảnh nhất định. Richard (2000) đã đưa ra danh sách liệt kê 7 đặc điểm liên quan đến kiến thức từ vựng đó là: mức độ xác suất gặp từ vựng đó trong lời nói và bản in; những hạn chế trong việc sử dụng từ theo các biến thể của chức năng và tình huống; hành vi cú pháp liên kết với từ; kiến thức về dạng cơ bản của một từ và các nguồn gốc có thể được tạo ra nó; kiến thức về mạng lưới liên kết giữa từ đó và các từ khác trong ngôn ngữ; giá trị ngữ nghĩa của một từ; và nhiều nghĩa khác nhau liên quan đến một từ.

Hơn nữa, từ vựng có thể được định nghĩa là từ [chúng ta phải biết để giao tiếp hiệu quả; từ ngữ nói (từ vựng biểu cảm) và từ ngữ nghe (từ vựng để tiếp thu)] (Tinutda, Komol, and Sripetpun, 2011)⁽⁶⁾. Từ vựng là trọng tâm của ngôn ngữ và có tầm quan trọng đối với việc học và sử dụng ngôn ngữ.

Vậy nên, việc học từ vựng là cả một quá trình lâu dài, bền bỉ và chịu khó của người học để có thể thành thạo một ngôn ngữ. Nếu không đủ vốn từ vựng, mọi người sẽ khó có thể truyền đạt ý tưởng giao tiếp của họ dưới dạng nói và viết một cách hiệu quả. Bởi vậy, người học biết được càng nhiều từ vựng thì họ càng có thể nghe, nói, đọc, viết như họ mong muốn.

Tầm quan trọng của việc học từ vựng tiếng Anh:

Những người học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ nên xem kiến thức từ vựng là công cụ quan trọng để thực hiện việc giao tiếp thành công. Đề cập tới tầm quan trọng của việc tiếp thu từ vựng khi học ngoại ngữ, chúng ta thấy rằng kiến thức từ vựng của người học là tối quan trọng trong năng lực giao tiếp. Vì vậy, từ vựng được coi như yếu tố cốt lõi để hình thành khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả.

- Từ vựng là cốt lõi của tiếng Anh khi giao tiếp

Từ vựng được ví như là [nguồn căn gốc rễ] của mọi vấn đề. Từ vựng hết sức quan trọng vì nó truyền tải quan điểm, tư tưởng của chủ thể giao tiếp. Trong ngôn ngữ, ngữ pháp giúp câu văn chặt chẽ hơn nhưng ngữ nghĩa lại ở từ vựng. Người học càng biết được nhiều từ thì họ sẽ càng giao tiếp được nhiều hơn. Hay nói cách khác, muốn giao tiếp mạch lạc và nắm bắt được những thông tin cần thiết của đối

tượng giao tiếp thì từ vựng chính là điều mà mỗi chủ thể giao tiếp cần phải nắm chắc. Chỉ khi nào người học sở hữu một vốn từ dồi dào và phong phú, kết hợp với sự hiểu biết cơ bản về ngữ pháp thì văn nói của họ mới có thể trở nên tự nhiên, trôi chảy.

Khi giao tiếp, người nghe mong muốn hiểu nội dung ngữ nghĩa mà người nói muốn truyền đạt hơn là sự chặt chẽ về ngữ pháp, câu cú. Do vậy, kể cả khi ai đó nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, nhưng vốn từ của bản thân hạn chế thì cũng khó có thể truyền tải đúng nội dung mà mình muốn truyền đạt đến đối tượng giao tiếp.

- Từ vựng là nền tảng cho các kỹ năng phát triển

Để phát triển và hoàn thiện các kỹ năng khác một cách hiệu quả thì người học cần có vốn từ vựng dồi dào. Khi có vốn từ đa dạng, họ có thể hiểu được nội dung truyền đạt một cách dễ dàng ngay cả khi việc sử dụng ngữ pháp của họ chưa giỏi. Với vốn từ vựng phong phú thì người học có thể nghe hiểu và trả lời một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Từ vựng được ví như chiếc chìa khóa giúp người học tiếp cận với thế giới ngoại ngữ. Trước khi người học hiểu về những cấu trúc ngữ pháp phức tạp hay những mẫu câu tiếng Anh hay, họ thường có sự am hiểu nhất định về từ vựng. Từ vựng giúp họ hiểu những thông điệp cần truyền tải khi giao tiếp.

Đối với người học, mục tiêu cuối cùng của họ là có thể giao tiếp hiệu quả nên việc am hiểu từ vựng không chỉ quan trọng, mà là rất quan trọng trong môi trường học ngoại ngữ. Giao tiếp hiệu quả hoặc nói những gì họ muốn chuyển tải thông tin là phụ thuộc vào vốn từ vựng tốt. Sử dụng các từ chính xác khi nói chuyện, làm cho người học giao tiếp hiệu quả hơn.

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc học từ vựng tiếng Anh

Nghiên cứu của Zhihong Bai (2018)⁽⁷⁾ về [An Analysis of English Vocabulary Learning Strategies] (Phân tích chiến lược học từ vựng tiếng Anh) đã đưa ra hai yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược học từ vựng của người học đó là yếu tố cá nhân và yếu tố môi trường xã hội. Trong đó, yếu tố cá nhân bao gồm: yếu tố tuổi tác, động cơ học tập, sự khác biệt về tính cách giữa người học và sự khác biệt về giới tính; yếu tố môi trường xã hội có ảnh hưởng đến tâm lý và việc sử dụng chiến lược học từ vựng một cách gián tiếp.

Nghiên cứu "Factors influencing vocabulary learning strategy preferences" (Các yếu tố ảnh hưởng đến sở thích sử dụng chiến lược học từ vựng tiếng Anh) của tác giả Marina Knez (2018)⁽⁸⁾, mục đích chung của nghiên cứu này là tìm hiểu xem người học sử dụng loại chiến lược học từ vựng nào thường xuyên nhất và liệu có bất kỳ yếu tố nào như giới tính, trình độ học vấn, số năm học tiếng Anh hay sở thích và nhận thức cá nhân của người học ảnh hưởng đến điều này hay không. Kết quả nghiên cứu chỉ ra chiến lược học từ vựng thường xuyên nhất là chiến lược học từ vựng ngẫu nhiên. Giới tính và trình độ học vấn không ảnh hưởng đến việc lựa chọn và tần suất sử dụng chiến lược học từ vựng.

Thông qua các đề tài liên quan và qua quan sát, tác giả nhận thấy từ vựng tiếng Anh của sinh viên không chỉ bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài mà còn bị tác động bởi các yếu tố bên trong. Cụ thể, 5 yếu tố làm ảnh hưởng đến việc học từ vựng tiếng Anh của sinh viên nói chung và sinh viên của Học viện Báo chí nói riêng bao gồm: mục tiêu, thái độ, phương pháp học tập, môi trường học tập và phương pháp giảng dạy của giáo viên.

Theo lý thuyết động lực của Gardner (2001)⁽⁹⁾, mục tiêu học tập là động cơ khơi dậy nguồn động lực cho người học, động lực bao gồm ba yếu tố là: nỗ lực (nỗ lực để học ngôn ngữ), mong muốn (muốn đạt được mục tiêu) và ảnh hưởng tích cực (thích thú với việc học ngôn ngữ).

Thái độ học tập tích cực hay tiêu cực của sinh viên sẽ quyết định đến sự thành công hay thất bại trong việc học tiếng Anh cũng như việc học từ vựng của họ. Nhiều nghiên cứu cũng đã đưa ra nhìn nhận đồng tình khi cho rằng thái độ tích cực sẽ là động cơ để có một khởi đầu tốt trong việc học ngoại ngữ, mặc dù thái độ không quyết định hành vi. Do vậy, thái độ được xem là yếu tố tác động cùng chiều đến việc học từ vựng tiếng Anh của người học.

Phương pháp học tập là cách mà con người tạo ra các khái niệm, quy luật và nguyên tắc nhằm mục đích dẫn đường họ trong những hoàn cảnh mới. Một phương pháp học phù hợp, thông minh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển về nhận thức, tư duy và cải thiện kết quả học tập của người học. Cho nên có thể thấy rằng việc xây dựng phương pháp học tập

là điều kiện cần thiết cho việc học ngoại ngữ cũng như từ vựng của sinh viên.

Môi trường học tập cũng được coi là một trong những yếu tố làm ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của sinh viên. Môi trường học tập được bao trùm bởi 3 khía cạnh đó là môi trường vật chất (trang thiết bị, vật liệu xây dựng, lớp học), môi trường tâm lý (thái độ, giá trị), và môi trường học thuật (chiến lược học tập, kết quả học tập). Môi trường học tập được hiểu là những gì diễn ra trong suốt quá trình học có sự tương tác giữa giáo viên - sinh viên và giữa sinh viên - sinh viên. Nơi mà mỗi sinh viên sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ phía các tác nhân xung quanh lên việc học tập của họ.

Phương pháp giảng dạy của người dạy có ý nghĩa quan trọng giúp người học đạt được các mục tiêu của việc học một cách nhanh nhất và đáng tin cậy nhất. Cách người dạy ứng xử, tương tác và truyền đạt kiến thức của họ vào trong bài giảng sẽ làm hình thành nên niềm tin, thái độ của người học về giáo viên (Ghaith & Shaaban, 1999)⁽¹⁰⁾. Điều này ảnh hưởng đến cách họ tư duy, hiểu vấn đề và biết cách xây dựng hệ thống kiến thức cho riêng mình.

2. Thực trạng vốn từ vựng của sinh viên năm thứ nhất Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thực tế số sinh viên năm thứ nhất có thể giao tiếp tốt bằng tiếng Anh không đồng đều. Nhiều sinh viên khối chuyên ngành giao tiếp khá tốt, ngược lại phần lớn sinh viên khối nghiệp vụ còn gặp rất nhiều khó khăn khi giao tiếp bằng tiếng Anh.

Sinh viên thường thấy trở ngại trong việc diễn đạt suy nghĩ, nêu ý tưởng và lý do chủ yếu là do sinh viên dành ít thời gian để đọc, giao tiếp, không thấy tự tin sử dụng ngôn ngữ; đặc biệt là thiếu vốn từ vựng, sợ phát âm chưa chuẩn khi nói chuyện với những người xung quanh bằng tiếng Anh.

Trong chương trình đào tạo Học phần tiếng Anh 1 và 2 của năm thứ nhất, sinh viên được học 180 tiết gồm cả 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) với giáo trình Voices, là một giáo trình mới với rất nhiều tính năng ưu việt mà sinh viên có thể khai thác. Đặc biệt sinh viên có thể nghe, nói, xem video trên e - book, điều này giúp sinh viên trau dồi thêm kiến thức về văn hoá cũng như làm quen thêm giọng địa phương và tích lũy vốn từ vựng trong giao tiếp. Tuy nhiên, thực

tế rất nhiều sinh viên mặc dù kiến thức ngữ pháp rất tốt nhưng do vốn từ vựng hạn chế nên nghe và xem nhiều video còn chưa hiểu hết nội dung.

Khi nói tới việc học từ vựng, nhiều sinh viên chia sẻ các em thường gặp tình trạng học trước quên sau, khó nhớ và không áp dụng được vào thực tế nhiều. Phần lớn sinh viên không hài lòng với vốn từ vựng tiếng Anh hiện có của mình. Thực trạng này nói lên một điều là đa phần do sinh viên chưa tìm được cho mình phương pháp học tập từ vựng phù hợp và hiệu quả. Khi học từ vựng sinh viên thường viết lại, đọc to hay nhắc lại. Có một số ít sinh viên viết vào sổ tay, học từ vựng theo chủ điểm hay liên hệ thực tế. Trong cuộc sống hiện đại, công nghệ phát triển như vũ bão, hầu hết sinh viên đều có cơ hội sở hữu và được tiếp cận với những phương tiện kỹ thuật hỗ trợ họ trong quá trình học từ vựng tiếng Anh như là điện thoại, máy tính bảng, máy tính xách tay, □ nhưng nhiều sinh viên chưa biết cách để vận dụng hiệu quả vào học từ vựng. Bên cạnh đó, có những sinh viên bị ảnh hưởng bởi thói quen tiếp cận từ vựng tiếng Anh của bản thân từ các chương trình trung học phổ thông cấp dưới đó là chỉ học thuộc lòng từ vựng, không gắn từ vựng vào câu để đưa vào bối cảnh giao tiếp cụ thể. Mà từ vựng nếu chỉ viết, chỉ đọc, học thuộc từ rồi để đấy thì từ vựng đó sẽ rất nhanh bị mai một. Cũng có một số sinh viên đã dành thời gian để học và cải thiện khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh của mình và cũng đã có những tín hiệu tích cực cho các chiến lược học từ vựng của họ. Tuy nhiên, đa số sinh viên lại không thể duy trì thói quen học đó một cách theo hệ thống, theo kế hoạch mà hay có xu hướng học theo cảm hứng.

3. Một số thủ thuật nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất Học viện Báo chí và Tuyên truyền

- Về phía người học:

Khi tìm hiểu, nghiên cứu về các giải pháp học từ vựng, các nhà nghiên cứu có những quan điểm, tầm nhìn khác nhau về các phương pháp để nâng cao hiệu quả từ vựng. Jenkins, Matlock and Slocum (1989)⁽¹¹⁾ cho rằng, học ngữ nghĩa của từ và đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh là phương pháp rất hiệu quả. Theo Cohen (1987)⁽¹²⁾, có bốn chiến lược để học từ vựng một cách hiệu quả, đó là lặp lại từ (rote

repetition), phân tích cấu trúc câu (structure), từ đồng nghĩa (semantic strategies) và kết nối từ (the use of mnemonic devices). Mặc dù các chiến lược đều có lợi thế của riêng nó, nhưng vẫn còn tồn tại những giới hạn khi áp dụng đối với từng người học khác nhau.

Qua thực tiễn giảng dạy trực tiếp trên lớp cũng như giảng dạy trực tuyến cho sinh viên năm thứ nhất, căn cứ vào thực trạng hiện có của sinh viên năm thứ nhất Học viện, có thể đề xuất một số thủ thuật góp phần giúp sinh viên cải thiện vốn từ vựng tiếng Anh của mình, cụ thể như sau:

Thứ nhất, bản thân mỗi sinh viên nên tạo cho mình một thời gian biểu khoa học, lên kế hoạch về thời gian, thời lượng, số lượng từ học đều đặn mỗi ngày. Đa số các sinh viên nói chung trong đó có sinh viên năm thứ nhất thường học nhiều từ một cách dồn nén, điều này không chỉ gây mất thời gian mà hiệu quả vốn từ vựng lại giảm đi rất nhiều. Vì vậy, sinh viên cần chia nhỏ kế hoạch học từ mỗi ngày và đặt được mục tiêu cho kế hoạch một cách nhanh chóng và chất lượng nhất. Nên dành một buổi trong tuần để ôn lại từ vựng cũ đã học, điều đó giúp người học củng cố bền vững vốn từ đã học.

Thứ hai, thực trạng cho thấy sinh viên thường cảm thấy khó nhớ, hay quên từ vựng mình đã học, đó là lý do tại sao việc học từ vựng tiếng Anh không nên chỉ dừng lại ở việc □ học □ mà sinh viên cần phải thực hành, áp dụng vốn từ mình có được vào thực tế, sử dụng linh hoạt từ vựng trong nhiều trường hợp khác nhau, có như vậy vốn từ mới được cải thiện và mở rộng. Bạn bè nên cùng nhau học tập để cùng tiến bộ và chia sẻ những phương pháp học tập hiệu quả như: cùng học qua thẻ từ vựng, học từ vựng theo chủ đề, □

Thứ ba, ngoài giờ học trên trường, sinh viên có thể học từ vựng thông qua làm những điều mình yêu thích bằng tiếng Anh như: nghe nhạc, xem phim, nói chuyện với bạn bè, với người bản xứ... đây cũng là chiến lược mà một số sinh viên năm thứ nhất đang áp dụng. Phương pháp này tuy giản đơn nhưng lại là giải pháp vô cùng hiệu quả cho việc học từ vựng của sinh viên năm thứ nhất của trường nói riêng và người học nói chung. Học từ vựng bằng cách xem các bộ phim hoặc nghe nhạc bằng tiếng Anh có ý nghĩa thiết thực và hiệu quả. Khi không biết nghĩa của từ, hầu hết người học

thường đoán nghĩa của chúng qua ngữ cảnh.

Thứ tư, đọc thật nhiều tài liệu sẽ giúp sinh viên cải thiện nhanh vốn từ vựng. Trong quá trình đọc của mình, sinh viên sẽ bắt gặp nhiều từ vựng mới lạ, cố gắng đoán nghĩa của nó theo mạch của đoạn văn, tra nghĩa của từ vựng trong từ điển và nên ghi chú ngay những từ vựng mới này vào sổ tay. Ngoài nghĩa và loại của từ vựng người học nên tìm hiểu thêm cách phát âm chuẩn, học các ví dụ áp dụng và cách đặt câu với từ vựng đó, học các từ đồng nghĩa với các từ đã học.

Thứ năm, chơi những trò chơi liên quan đến từ vựng. Hiện nay có nhiều App, Game giúp sinh viên rèn luyện các từ vựng tiếng Anh hàng ngày theo chủ đề như Scrabble, Boggle và ô chữ (crossword puzzles), □ Bên cạnh đó, thực hiện các bài kiểm tra từ vựng. Sinh viên có thể thử làm các bài kiểm tra trình độ như GMAT, TOEIC,... trên các trang luyện thi tiếng Anh online. Mỗi lần làm kiểm tra là một lần sinh viên biết được sự tiến bộ trong quá học tập của bản thân.

- *phía người dạy*:

Người dạy sẽ là những người hướng dẫn, định hướng phương pháp học tập phù hợp cho sinh viên. Mỗi sinh viên, mỗi lớp học có những phương pháp học từ vựng khác nhau tùy thuộc vào động cơ học tập, mục tiêu và phong cách học tập của mỗi người. Vì vậy, người dạy cần quan tâm đến sinh viên, tìm hiểu về phương pháp nào phù hợp với sinh viên của mình. Từ đó điều chỉnh lại phương pháp giảng dạy sao cho đáp ứng được các đặc điểm của từng lớp học, có như vậy phương pháp đó mới thực sự được coi là phù hợp và hiệu quả.

Người dạy cần không ngừng nâng cao và trau dồi kiến thức chuyên môn, năng lực sư phạm để có kinh nghiệm, kiến thức phong phú giúp sinh viên cải thiện từ vựng tốt hơn, ngoài ra việc chia sẻ cho sinh viên phương pháp tự học từ vựng, các trang web, tài liệu tham khảo phù hợp, cách tư duy sáng tạo... sẽ giúp sinh viên mở mang vốn từ vựng, nâng cao khả năng ghi nhớ các từ, và quan trọng hơn là ứng dụng linh hoạt trong giao tiếp cũng như sử dụng thành thạo các kỹ năng tiếng Anh khác.

Hơn nữa, người dạy cần hiểu rõ hơn về xu hướng học từ vựng của sinh viên và dẫn dắt sinh viên đạt thành tích cao hơn trong việc học từ vựng. Để

khuyến khích sinh viên học từ vựng tiếng Anh, người dạy cần khuyến khích và tạo động lực cho sinh viên trong quá trình truyền đạt kiến thức.

Tiếng Anh có lượng từ vựng rất đa dạng và đầy màu sắc. Điều này là do nó chịu ảnh hưởng lớn từ các ngôn ngữ như Latin (đặc biệt là tiếng Pháp), ngôn ngữ Germanic (như Hà Lan, Đan Mạch, Đức và Frisian) và ngôn ngữ Celtic. Tiếng Anh luôn phát triển số lượng từ vựng, vì nó cũng vay mượn từ các ngôn ngữ khác. Với lượng từ vựng lớn như thế người học luôn cần phải trau dồi, cải thiện vốn từ vựng của mình để có thể sử dụng tiếng Anh tốt hơn bởi trong quá trình học tiếng thì từ vựng chính là nền tảng cho các kỹ năng khác phát triển./

(1) David, A Wilkins. *Linguistic in Language Teaching* (1972).

(2) Peirce, W (2000), *Understading students, difficulties in reasoning, part two: The perspective from research in learning styles and cognitive styles*.

(3) Richards, Jack C., and Willy A. Renandya (2002). *Methodology in Language Teaching*. Cambridge University Press.

(4) Brown, H. Douglas (2000). *Principles of language learning and teaching*. Pearson Longman.

(5) Oxford Advanced Learner's Dictionary.

(6) Tinutda, Komol, and Sripetpun Waraporn (2011). *Vocabulary learning strategies employed by undergraduate students and its relationship to their vocabulary knowledge*.

(7) Zhihong, Bai (2018), □ *An analysis of English vocabulary learning strategies* □ 849-855.

(8) Marina, Knez (2018), □ *Factors influencing vocabulary learning strategy preferences* □ 83-95.

(9) Gardner, R. C (2001), □ *Intergrative motivation and second language acquisition* □ In *Motivation and Second Language Acquisition*, 1-19. Hawaii: University of Hawaii Press.

(10) Ghaith, Ghazi, and Kassim A. Shaaban (1999), □ *The relationship between perceptions of teaching concerns, teacher efficacy, and selected teacher characteristics* □ In *Teaching and Teacher Education*, 487-496.

(11) Jenkins, Joseph R., Barbara Matlock, and Timothy A. Slocum (1989), *Two approaches to vocabulary instruction: The teaching of individual word meanings and practice in deriving word meaning from context*. International Literacy Association.

(12) Cohen, Andrew D (1987). *The use of verbal and imagery mnemonics in second language vocabulary learning*. Cambridge University Press.

(13) <https://igems.com.vn/blog/tam-quan-trong-cua-tu-vung>

(14) <https://tinhte.vn/thread/tam-quan-trong-cua-tu-vung-trong-viec-hoc-tieng-anh.3229652/>.

(15) <https://cla.hust.edu.vn/tam-quan-trong-cua-viec-hoc-tu-vung-tieng-anh-deu-dan-hang-ngay/>.